



Phụ lục III

PHỤ LỤC MẪU BÁO CÁO VỀ LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

(Theo Thông tư số 01 /2019/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 01 năm 2019)

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	001.N/BCC-CN	Báo cáo chính thức Sản lượng sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp	Năm	Ngày 31/8 năm sau
2	002.N/BCC-CN	Báo cáo chính thức Số lượng cơ sở ngành công nghiệp	Năm	Ngày 31/8 năm sau
3	003.N/BCC-CN	Báo cáo chính thức Lao động ngành công nghiệp	Năm	Ngày 31/8 năm sau
4	004.N/BCC-CN	Báo cáo chính thức Nguồn vốn, tài sản cố định của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp	Năm	Ngày 30/4 năm sau
5	005.N/ CC-CN	Báo cáo chính thức Doanh thu, nộp ngân sách của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp	Năm	Ngày 30/4 năm sau

Biểu số: 001.N/BCC-CN
 Ban hành theo Thông tư số ...
 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch
 và Đầu tư
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 31/8 năm sau

BẢO CÁO CHÍNH THỨC
SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM CHỦ YẾU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP
 Năm

- Đơn vị báo cáo:
 Cục Thống kê.....
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Tổng cục Thống kê

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia theo loại hình kinh tế							
				Khu vực doanh nghiệp Nhà nước			Khu vực ngoài Nhà nước			Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	
				Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:			
					100% vốn Nhà nước	Trên 50% đến dưới 100% vốn Nhà nước		DN ngoài Nhà nước	Hợp tác xã		Cá thể
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG SỐ											
<i>(Ghi theo danh mục sản phẩm)</i>											

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

.... ngày...tháng...năm....
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 002.N/BCC-CN
 Ban hành theo Thông tư số ...
 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và
 Đầu tư
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 31/8 năm sau

BÁO CÁO CHÍNH THỨC
SỐ LƯỢNG CƠ SỞ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Năm

- Đơn vị báo cáo:
 Cục Thống kê.....
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: Doanh nghiệp, Cơ sở

A	Mã số	Tổng số	Chia theo loại hình kinh tế							Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
			Khu vực doanh nghiệp Nhà nước			Khu vực ngoài Nhà nước				
			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:			
				100% vốn Nhà nước	Trên 50% đến dưới 100% vốn Nhà nước		DN ngoài Nhà nước	Hợp tác xã	Cá thể	
B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	
TỔNG SỐ										
<i>Chia theo ngành CN cấp I, II:</i>										

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
 (Ký, họ tên)

..., ngày...tháng...năm.....
Cục trưởng
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 003.N/BCC-CN
 Ban hành theo Thông tư số ... của Bộ
 trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 31/8 năm sau

BÁO CÁO CHÍNH THỨC
LAO ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP
 Năm

- Đơn vị báo cáo:
 Cục Thống kê.....
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: Người

A	Mã số B	Tổng số 1	Chia theo loại hình kinh tế							Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 9
			Khu vực doanh nghiệp Nhà nước			Khu vực ngoài Nhà nước				
			Tổng số 2	Chia ra:		Tổng số 5	Chia ra:			
				100% vốn Nhà nước 3	Trên 50% đến dưới 100% vốn Nhà nước 4		DN ngoài Nhà nước 6	Hợp tác xã 7	Cá thể 8	
TỔNG SỐ										
<i>Chia theo ngành CN cấp I, II:</i>										

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng...năm.....
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 004.N/BCC-CN
 Ban hành theo Thông tư số ... của
 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 30/4 năm sau

BÁO CÁO CHÍNH THỨC
NGUỒN VỐN, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ
NGÀNH CÔNG NGHIỆP
 Năm

- Đơn vị báo cáo:
 Cục Thống kê.....
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Nguồn vốn có đến 1-10		Giá trị tài sản cố định có đến 1-10	
		Tổng số	<i>Trong đó:</i> Nguồn vốn chủ sở hữu	Tổng số	<i>Trong đó:</i> Thiết bị máy móc
A	B	1	2	3	4
TỔNG SỐ					
<i>Chia theo ngành CN cấp I, II:</i>					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng...năm.....
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 005.N/BCC-CN
 Ban hành theo Thông tư số ... của
 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 30/4 năm sau

BÁO CÁO CHÍNH THỨC
DOANH THU, NỢP NGÂN SÁCH
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ
NGÀNH CÔNG NGHIỆP
 Năm

- Đơn vị báo cáo:
 Cục Thống kê.....
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Doanh thu	Nộp ngân sách			
			Tổng số	Trong đó:		
				Thuế tiêu thụ	Thuế môn bài, Thuế nhà đất	Thuế thu nhập
A	B	1	2	3	4	5
TỔNG SỐ						
<i>Chia theo ngành CN cấp I, II:</i>						

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

... ngày...tháng...năm.....
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

GIẢI THÍCH

Biểu số: 001.N/BCC-CN: BÁO CÁO CHÍNH THỨC SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM CHỦ YẾU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Khái niệm

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu là sản lượng của những sản phẩm quan trọng đối với nền kinh tế được ngành công nghiệp sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

b) Phương pháp tính

Số lượng sản phẩm chủ yếu được quy định căn cứ vào vị trí, vai trò của sản phẩm đối với tiêu dùng trong nước, xuất khẩu, nhu cầu dự trữ và đóng góp cho ngân sách. Số lượng sản phẩm chủ yếu được lập thành danh mục sản phẩm công nghiệp chủ yếu. Danh mục này thay đổi theo từng thời kỳ phát triển kinh tế xã hội. Sản lượng của mỗi sản phẩm chủ yếu bao gồm thành phẩm (chính phẩm, thứ phẩm, phụ phẩm) và bán thành phẩm bán ra ngoài. Trong đó:

- *Thành phẩm*: Là sản phẩm do hoạt động sản xuất công nghiệp của cơ sở tạo ra; không phân biệt sản phẩm đó được sản xuất từ nguyên vật liệu của cơ sở hay nguyên vật liệu của khách hàng đưa đến gia công. Những sản phẩm này đã làm xong thủ tục nhập kho thành phẩm trong kỳ, bao gồm:

+ *Chính phẩm*: là những sản phẩm vật chất công nghiệp sản xuất ra đạt quy cách và phẩm chất đúng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

+ *Thứ phẩm*: là những sản phẩm vật chất công nghiệp sản xuất ra chưa đạt tiêu chuẩn quy cách và phẩm chất theo quy định nhưng vẫn có giá trị sử dụng và được tiêu thụ (thị trường chấp nhận).

+ *Phụ phẩm (còn gọi là sản phẩm song song)*: là những sản phẩm vật chất được tạo ra trong quá trình sản xuất công nghiệp cùng với sản phẩm chính.

- *Bán thành phẩm*: Là sản phẩm do hoạt động sản xuất công nghiệp của cơ sở tạo ra, đã kết thúc giai đoạn sản xuất nhất định trong phạm vi một phân xưởng sản xuất (kết thúc một công đoạn trong toàn bộ công đoạn sản xuất sản phẩm), phù hợp với quy cách, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của một giai đoạn sản xuất và còn được tiếp tục sản xuất chế biến trong phân xưởng sản xuất khác của cơ sở (một công đoạn tiếp tục của sản xuất sản phẩm). Bán thành phẩm của các cơ sở sản xuất được bán ra ngoài cũng được coi là thành phẩm công nghiệp.

2. Cách ghi biểu

Cột A, B, C: Tên sản phẩm, mã số sản phẩm và đơn vị tính đã quy định trong bảng danh mục sản phẩm công nghiệp.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 5 + Cột 9

Cột 2 = Cột 3 + Cột 4

Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8

Cột 3,4,6,7,9: Tổng hợp số liệu từ kết quả điều tra doanh nghiệp hàng năm.

Cột 8: Tổng hợp số liệu từ kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp hàng năm.

2. Nguồn số liệu

- Điều tra doanh nghiệp hàng năm.
- Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm.

Biểu số: 002.N/BCC-CN: BÁO CÁO CHÍNH THỨC SỐ LƯỢNG CƠ SỞ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số lượng cơ sở ngành công nghiệp là tổng số doanh nghiệp hạch toán độc lập, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp.

+ Doanh nghiệp:

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

Doanh nghiệp nhà nước gồm doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do trung ương, địa phương quản lý và doanh nghiệp vốn trong nước mà nhà nước chiếm giữ trên 50% (để thuận lợi cho việc tổng hợp số liệu, quy ước nếu nhà nước chiếm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu được tính là doanh nghiệp nhà nước).

Doanh nghiệp ngoài nhà nước gồm các doanh nghiệp vốn trong nước mà nguồn vốn thuộc sở hữu tư nhân của một hay nhóm người hoặc có sở hữu Nhà nước nhưng chiếm từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, không phân biệt tỷ lệ vốn của bên nước ngoài góp. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài gồm doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh giữa nước ngoài với các đối tác trong nước.

+ Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp: Là nơi diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh công nghiệp, có địa điểm được xác định, có người quản lý và chịu trách nhiệm về pháp lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, thuộc sở hữu một người, một nhóm người hoặc một gia đình, nhưng không đủ điều kiện hoặc chưa đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã theo pháp luật hiện hành.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Tổng số chia theo ngành công nghiệp cấp 1 và cấp 2.

Cột B: Theo mã ngành kinh tế.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 5 + Cột 9

Cột 2 = Cột 3 + Cột 4

Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8

Cột 3, 4, 6, 7, 9: Tổng hợp số liệu từ kết quả điều tra doanh nghiệp hàng năm.

Cột 8: Tổng hợp số liệu từ kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp hàng năm.

3. Nguồn số liệu

- Điều tra doanh nghiệp hàng năm.

- Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm.

Biểu số: 003.N/BCC-CN: BÁO CÁO CHÍNH THỨC LAO ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Khái niệm, phương pháp tính

Lao động ngành công nghiệp bao gồm lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã và lao động trong cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp.

+ Lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp, hợp tác xã ngành công nghiệp quản lý, sử dụng được trả lương, trả công và lao động không được trả lương, trả công.

+ Lao động trong cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp là toàn bộ số lao động do cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động công nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng và được trả công, không trả công.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Tổng số chia theo ngành công nghiệp cấp 1 và cấp 2.

Cột B: Theo mã ngành kinh tế.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 5 + Cột 9

Cột 2 = Cột 3 + Cột 4

Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8

Cột 3, 4, 6, 7, 9: Tổng hợp số liệu từ kết quả điều tra doanh nghiệp hàng năm.

Cột 8: Tổng hợp số liệu từ kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp hàng năm.

3. Nguồn số liệu

- Điều tra doanh nghiệp hàng năm.

- Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm.

Biểu số: 004.N/BCC-CN: BÁO CÁO CHÍNH THỨC NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tổng nguồn vốn là tổng số nguồn vốn cơ sở đang sử dụng vào sản xuất kinh doanh có đến thời điểm điều tra.

Giá trị tài sản cố định bao gồm giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và thiết bị máy móc đang dùng vào sản xuất kinh doanh. Giá trị tài sản cố định được tổng hợp tính theo giá trị còn lại của tài sản cố định đến thời điểm điều tra.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Tổng số chia theo ngành công nghiệp cấp 1 và 2.

Cột B: Theo mã ngành kinh tế.

Cột 1: Tổng số nguồn vốn có đến 1-10 (dựa vào kết quả suy rộng).

Cột 2: Trong đó: Nguồn vốn chủ sở hữu là vốn tự có của chủ sở hữu cơ sở bỏ ra để sản xuất kinh doanh (dựa vào tỷ lệ nguồn vốn chủ sở hữu trong điều tra mẫu).

Cột 3: Tổng số giá trị tài sản cố định có đến 1-10 (dựa vào kết quả suy rộng).

Cột 4: Trong đó: Thiết bị máy móc (dựa vào tỷ lệ thiết bị máy móc trong điều tra mẫu).

3. Nguồn số liệu

Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm.

Biểu số: 005.N/BCC-CN: BÁO CÁO CHÍNH THỨC DOANH THU VÀ NỢP NGÂN SÁCH CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Khái niệm, phương pháp tính

Doanh thu của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp là tổng số tiền thu được từ tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ của hoạt động sản xuất công nghiệp.

Thuế và các khoản phí, lệ phí phải nộp nhà nước là tổng số tiền thuế, phí, lệ phí đã nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Tổng số chia theo ngành công nghiệp cấp 1 và 2.

Cột B: Theo mã ngành kinh tế.

Cột 1: Doanh thu sản xuất công nghiệp (dựa vào kết quả suy rộng của điều tra)

Cột 2: Nộp ngân sách (dựa vào kết quả suy rộng của điều tra).

Cột 3: Thuế tiêu thụ (dựa vào tỷ lệ thuế tiêu thụ/doanh thu trong điều tra mẫu).

Cột 4: Thuế môn bài, thuế nhà đất (dựa vào tỷ lệ thuế môn bài, thuế nhà đất/doanh thu trong điều tra mẫu).

Cột 5: Thuế thu nhập (dựa vào tỷ lệ thuế thu nhập/doanh thu trong điều tra mẫu).

3. Nguồn số liệu

Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm.